

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA CHỌN ĐỘI TUYỂN HS GIỎI KHỐI 10

MÔN:..... PHÒNG:

STT	Phòng	SBD	Số hồ sơ	Môn	HỌ TÊN HỌC SINH		Ký tên			
1	19	A000001	32	Anh	Vũ Thị Vân Anh					
2	19	A000002	48	Anh	Phan Mai Tường Anh					
3	19	A000003	53	Anh	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh					
4	19	A000004	57	Anh	Trương Huỳnh Hoàng Anh					
5	19	A000005	60	Anh	Nguyễn Tuấn Anh					
6	19	A000006	65	Anh	Nguyễn Phương Anh					
7	19	A000007	66	Anh	Lê Hồng Anh					
8	19	A000008	68	Anh	NGUYỄN NHẬT ANH					
9	19	A000009	71	Anh	Ngô Minh Anh					
10	19	A000010	74	Anh	Đào Hà Anh					
11	19	A000011	76	Anh	Nguyễn Thị Ngọc Ánh					
12	19	A000012	77	Anh	La Thiên Ân					
13	19	A000013	79	Anh	Nguyễn Phúc Hồng Ân					
14	19	A000014	83	Anh	Đình Gia Bảo					
15	19	A000015	88	Anh	Nguyễn Hoài Thiên Bảo					
16	19	A000016	89	Anh	Lê Đức Chí Bảo					
17	19	A000017	99	Anh	Nguyễn Trần Bảo Châu					
18	19	A000018	104	Anh	Nguyễn Minh Châu					
19	19	A000019	106	Anh	NGUYỄN NGỌC QUỲNH CHI					
20	19	A000020	107	Anh	Nguyễn Hoàng Chinh					
21	19	A000021	112	Anh	Phan Bạch Diệp					
22	19	A000022	115	Anh	Trần Anh Tuấn Dũ					
23	19	A000023	117	Anh	NGUYỄN THU DUNG					
24	19	A000024	127	Anh	Lê Quang Dũng					
25	19	A000025	134	Anh	Ngô Trần Quốc Duy					
26	19	A000026	143	Anh	Tô Thùy Dương					
27	19	A000027	147	Anh	Nguyễn Lê Minh Đan					
28	19	A000028	161	Anh	Lê Trần Minh Đạt					

MÔN:..... PHÒNG:

STT	Phòng	SBD	Số hồ sơ	Môn	HỌ TÊN HỌC SINH		Ký tên			
29	20	A000029	165	Anh	Đoàn Long Định					
30	20	A000030	170	Anh	Trần Trí Đức					
31	20	A000031	178	Anh	Lê Quang Vệ Giang					
32	20	A000032	184	Anh	Nguyễn Liên Hà					
33	20	A000033	187	Anh	Hoàng Trung Hải					
34	20	A000034	189	Anh	LƯƠNG TÍN HẢO					
35	20	A000035	191	Anh	Ngô Thái Thanh Hằng					
36	20	A000036	200	Anh	Lê Hoàng Ngọc Hân					
37	20	A000037	206	Anh	Ngô Gia Hân					
38	20	A000038	210	Anh	Lý Gia Hân					
39	20	A000039	211	Anh	Hà Gia Hân					
40	20	A000040	216	Anh	Nguyễn Lê Gia Hân					
41	20	A000041	218	Anh	NGUYỄN THỊ THU HIỀN					
42	20	A000042	219	Anh	Bùi Thanh Hiền					
43	20	A000043	236	Anh	Hà Nguyên Huân					
44	20	A000044	237	Anh	Đỗ Minh Hùng					
45	20	A000045	254	Anh	Đỗ Nhật Huy					
46	20	A000046	281	Anh	Lại Ngọc Quỳnh Hương					
47	20	A000047	302	Anh	Phan Trần Bảo Khang					
48	20	A000048	306	Anh	Trần Nguyễn Duy Khang					
49	20	A000049	318	Anh	HUỲNH NAM KHÁNH					
50	20	A000050	337	Anh	Nguyễn Đặng Duy Khoa					
51	20	A000051	345	Anh	Nguyễn Bảo Minh Khuê					
52	20	A000052	347	Anh	Tôn Nữ Như Khuê					
53	20	A000053	349	Anh	Thân Đức Kiên					
54	20	A000054	352	Anh	Nguyễn Phúc Kiên					
55	20	A000055	357	Anh	Diệp Tuấn Kiệt					
56	20	A000056	368	Anh	Huỳnh Khánh Lam					

MÔN:..... PHÒNG:

STT	Phòng	SBD	Số hồ sơ	Môn	HỌ TÊN HỌC SINH		Ký tên			
57	21	A000057	369	Anh	Quách Thiên Lam					
58	21	A000058	371	Anh	VÕ Ý LAN					
59	21	A000059	378	Anh	ĐẶNG CÁT LÂM					
60	21	A000060	380	Anh	Nguyễn Hoàng Lâm					
61	21	A000061	381	Anh	Trần Hải Thùy Lâm					
62	21	A000062	384	Anh	Khúc Phương Linh					
63	21	A000063	386	Anh	Lê Thị Phương Linh					
64	21	A000064	400	Anh	Trần Ngọc Ái Linh					
65	21	A000065	401	Anh	Trương Gia Linh					
66	21	A000066	420	Anh	Nguyễn Huỳnh Xuân Mai					
67	21	A000067	421	Anh	Nguyễn Xuân Mai					
68	21	A000068	425	Anh	Hà Ngọc Mai					
69	21	A000069	428	Anh	Đình Quang Minh					
70	21	A000070	431	Anh	Lê Ngọc Từ Minh					
71	21	A000071	432	Anh	Phạm Lê Minh					
72	21	A000072	437	Anh	Huỳnh Đức Minh					
73	21	A000073	447	Anh	Đặng Nguyễn Thảo My					
74	21	A000074	455	Anh	NGUYỄN LÊ THẢO MY					
75	21	A000075	458	Anh	Châu Hoàng My					
76	21	A000076	463	Anh	Đỗ Bá Hoàng Nam					
77	21	A000077	476	Anh	Trần Hoàng Hiếu Ngân					
78	21	A000078	478	Anh	lê cao kim ngân					
79	21	A000079	487	Anh	Trương Kim Ngân					
80	21	A000080	489	Anh	Huỳnh Song Ngân					
81	21	A000081	493	Anh	Lê Hoàng Bảo Nghi					
82	21	A000082	499	Anh	Lê Nguyễn Gia Nghi					
83	21	A000083	521	Anh	Lưu Hồng Ngọc					
84	21	A000084	524	Anh	Trần Lương Minh Ngọc					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA CHỌN ĐỘI TUYỂN HS GIỎI KHỐI 10

MÔN:..... PHÒNG:

STT	Phòng	SBD	Số hồ sơ	Môn	HỌ TÊN HỌC SINH		Ký tên			
85	22	A000085	527	Anh	Huỳnh Bảo Ngọc					
86	22	A000086	528	Anh	Mai Bảo Ngọc					
87	22	A000087	530	Anh	Đỗ Lê Bích Ngọc					
88	22	A000088	532	Anh	Nguyễn Lê Bảo Ngọc					
89	22	A000089	539	Anh	Lý Võ Khôi Nguyên					
90	22	A000090	543	Anh	Trịnh Công Lam Nguyên					
91	22	A000091	559	Anh	Nguyễn Thành Nhân					
92	22	A000092	582	Anh	Nguyễn Ngọc Phương Nhi					
93	22	A000093	586	Anh	Nguyễn Ái Nhi					
94	22	A000094	588	Anh	Nguyễn Đặng Thư Nhi					
95	22	A000095	591	Anh	Lữ Xuân Nhung					
96	22	A000096	598	Anh	Võ Thị Mỹ Như					
97	22	A000097	599	Anh	Nguyễn Anh Như					
98	22	A000098	619	Anh	Đặng Tấn Phát					
99	22	A000099	620	Anh	Nguyễn Hồng Phát					
100	22	A000100	629	Anh	Trần Thành Phú					
101	22	A000101	631	Anh	Nguyễn Hoàng Gia Phú					
102	22	A000102	646	Anh	Nguyễn Vũ Hoàng Phúc					
103	22	A000103	648	Anh	Nguyễn hoàng gia phúc					
104	22	A000104	649	Anh	Phạm Hoài Phúc					
105	22	A000105	659	Anh	Nguyễn Trần Minh Phương					
106	22	A000106	661	Anh	Lê Đoàn Bích Phương					
107	22	A000107	663	Anh	Lê Đặng Nam Phương					
108	22	A000108	664	Anh	Nguyễn Hải Nam Phương					
109	22	A000109	667	Anh	Nguyễn Hà Phương					
110	22	A000110	678	Anh	Nguyễn Minh Quân					
111	22	A000111	679	Anh	Lê Hoàng Quân					
112	22	A000112	687	Anh	Nguyễn Tú Quyên					

MÔN:..... PHÒNG:

STT	Phòng	SBD	Số hồ sơ	Môn	HỌ TÊN HỌC SINH		Ký tên			
113	23	A000113	688	Anh	Lê Nguyễn Ái Quỳnh					
114	23	A000114	695	Anh	Đoàn Lại Như Quỳnh					
115	23	A000115	696	Anh	Nguyễn Trần Diễm Quỳnh					
116	23	A000116	728	Anh	Vũ Phương Thảo					
117	23	A000117	733	Anh	Nguyễn thanh thảo					
118	23	A000118	734	Anh	Võ Thị Phương Thảo					
119	23	A000119	740	Anh	Nguyễn Trần Thanh Thiện					
120	23	A000120	743	Anh	Ngô Hoàng Thiện					
121	23	A000121	749	Anh	Thái Gia Thịnh					
122	23	A000122	752	Anh	Đặng Đức Thông					
123	23	A000123	760	Anh	Phạm Đào Đan Thuýn					
124	23	A000124	766	Anh	Nguyễn Minh Thư					
125	23	A000125	767	Anh	Võ Kim Thư					
126	23	A000126	769	Anh	Lê Hà Anh Thư					
127	23	A000127	771	Anh	Nguyễn Hoàng Kim Thư					
128	23	A000128	777	Anh	Hồ Phạm Anh Thy					
129	23	A000129	780	Anh	Nguyễn Hoàng Thy					
130	23	A000130	784	Anh	Nguyễn Ngọc Đan Thy					
131	23	A000131	791	Anh	Nguyễn Mạc Xuân Tiên					
132	23	A000132	792	Anh	Trần Huỳnh Hoa Tiên					
133	23	A000133	800	Anh	Nguyễn Mạc Thái Toàn					
134	23	A000134	801	Anh	Trịnh Thị Mỹ Trà					
135	23	A000135	805	Anh	Đoàn Sơn Ngọc Trang					
136	23	A000136	809	Anh	Trần Lê Thị Trâm					
137	23	A000137	814	Anh	Phạm Huỳnh Phương Trâm					
138	23	A000138	837	Anh	Nguyễn Minh Trúc					
139	23	A000139	844	Anh	Lê Khả Tú					
140	23	A000140	850	Anh	Lê Minh Tuệ					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA CHỌN ĐỘI TUYỂN HS GIỎI KHỐI 10

MÔN:..... PHÒNG:

STT	Phòng	SBD	Số hồ sơ	Môn	HỌ TÊN HỌC SINH		Ký tên			
141	26	A000141	865	Anh	Nguyễn Nguyễn Thanh Vân					
142	26	A000142	867	Anh	Nguyễn Hồng Khánh Vân					
143	26	A000143	869	Anh	Lưu Thụy Lê Vân					
144	26	A000144	874	Anh	Hứa Tường Vi					
145	26	A000145	891	Anh	Phan Võ Tường Vy					
146	26	A000146	893	Anh	Bùi Ngọc Diễm Vy					
147	26	A000147	900	Anh	Nguyễn Hoàng Phương Vy					
148	26	A000148	906	Anh	Dương Nguyễn Kiều Vy					
149	26	A000149	913	Anh	Nguyễn Lê Thanh Xuân					
150	26	A000150	916	Anh	Hồ Thị Như Ý					
151	26	A000151	917	Anh	Nguyễn Hoàng Hà Yên					
152	26	A000152	921	Anh	Huỳnh Hải Yến					
153	26	A000153	923	Anh	Nguyễn Hải Yến					
154	26	A000154	09	Anh	Nguyễn Hà An					